

Số: 80 /2013/TT-BQP

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2013

THÔNG TƯ

**Quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn
đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân trong các
trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ thuộc Bộ Quốc phòng quản lý**

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 117/2011/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ Quy định về tổ chức quản lý phạm nhân và chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, chăm sóc y tế đối với phạm nhân;

Căn cứ Nghị định số 09/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung chế độ ăn và khám, chữa bệnh đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Quy chế về tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số 89/1998/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ thuộc Bộ Quốc phòng quản lý như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.
2. Trẻ em dưới 36 tháng tuổi là con của phạm nhân ở cùng cha, mẹ trong trại giam thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 3. Chế độ được hưởng

1. Chế độ ăn thường xuyên
 - a) Định lượng ăn thường xuyên

- Định lượng ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Định lượng ăn của phạm nhân lao động nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Mức tiền ăn thường xuyên

- Mức tiền ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân là: 15.500 đồng/người/ngày;

- Mức tiền ăn của phạm nhân lao động nặng nhọc, độc hại theo quy định của pháp luật là: 17.500 đồng/người/ngày;

- Mức tiền ăn của trẻ em dưới 36 tháng tuổi là con của phạm nhân ở cùng cha, mẹ trong trại giam được hưởng chế độ ăn như đối với cha, mẹ.

Các mức tiền ăn quy định trên được tính thống nhất giá gạo tẻ là 12.200 đồng/kg. Nếu đơn vị phải mua gạo với giá cao hơn quy định, thì phần chênh lệch được xem xét quyết toán theo quy định hiện hành. Trường hợp mua gạo với giá thấp hơn quy định, thì phần chênh lệch được bổ sung để mua thực phẩm bảo đảm cho các đối tượng.

2. Chế độ ăn các ngày lễ, tết

a) Ngày Tết Dương lịch (ngày 01 tháng 01); Tết Nguyên đán 05 ngày (bao gồm 01 ngày cuối năm và 04 ngày đầu năm âm lịch); ngày Giỗ tổ Hùng Vương (ngày 10 tháng 3 Âm lịch); ngày Chiến thắng (ngày 30 tháng 4); ngày Quốc tế lao động (ngày 01 tháng 5); ngày Quốc khánh (ngày 02 tháng 9), người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân được ăn gấp 05 lần ngày thường (trong đó mức ăn ngày Tết Nguyên đán đã có tiền bánh chưng).

b) Đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi là con của phạm nhân ở cùng cha, mẹ trong trại giam ngoài các ngày ăn lễ, tết tại Điểm a Khoản này còn được hưởng chế độ ăn ngày Tết Thiếu nhi (ngày 01 tháng 6), ngày Tết Trung thu (ngày 15 tháng 8 Âm lịch) gấp 02 lần ngày thường.

Điều 4. Quy định bảo đảm

1. Ngoài chế độ ăn quy định tại Khoản 1 Điều này, người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân được sử dụng quà, tiền của mình để ăn thêm nhưng mức ăn một ngày không được quá 03 lần mức ăn thường xuyên.

2. Chế độ ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân khi ốm, bị bệnh do Giám thị trại giam quyết định theo chỉ định của cơ sở y tế nhưng không quá 02 lần mức ăn thường xuyên.

3. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân nữ trong thời gian mang thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi được bảo đảm mức ăn theo chỉ định của Y sỹ hoặc Bác sỹ nhưng mức ăn tăng thêm không quá 30% mức ăn thường xuyên.

4. Chế độ ăn đối với trẻ em trên 36 tháng tuổi là con của phạm nhân ở cùng cha, mẹ tại trại giam trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc chờ gửi về thân nhân nuôi dưỡng được hưởng chế độ ăn như đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi quy định tại Điều 3 Thông tư này.

5. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân là người nước ngoài chế độ ăn được thực hiện như quy định đối với người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân là người Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 5. Kinh phí bảo đảm

Các khoản tiền ăn bảo đảm cho đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này được hạch toán vào Loại 460, Khoản 463, Mục 7000, Tiểu mục 7011, Tiết mục 00, Ngành 41 "Chi nuôi phạm nhân, can phạm" (thuộc Khoản chi các hoạt động quản lý hành chính - Ngân sách nhà nước giao).

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 89/2011/TT-BQP ngày 28 tháng 6 năm 2011 của Bộ Quốc phòng Quy định tiêu chuẩn, định lượng ăn và mức tiền ăn của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phạm nhân trong các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ do Quân đội quản lý.

2. Các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

1. Chỉ huy các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng, Cục trưởng Cục Điều tra hình sự Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. / *Thư*

Nơi nhận:

- Thủ trưởng Bộ (để báo cáo);
- BTMM; các Tổng cục (TCCT; TC2; TCCNQ; TCKT; TCHC);
- Quân khu: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9;
- BTL BD Biên phòng;
- BTL Thủ đô Hà Nội;
- Quân đoàn: 1, 2, 3, 4;
- Quân, binh chủng (KQ, HQ, TTin, HH, ĐC, CB, PB, TTG);
- Cục Cảnh sát biển;
- Cục Tài chính, Cục ĐTHS;
- VPBQP; Vụ PC; Cục QNhu;
- Lưu: VT; NT40. **THBP**

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Thượng tướng Lê Hữu Đức

Phụ lục 1

**ĐỊNH LƯỢNG ĂN CỦA NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ, NGƯỜI BỊ
TẠM GIAM, PHẠM NHÂN TRONG CÁC TRẠI GIAM, TRẠI TẠM GIAM,
NHÀ TẠM GIỮ THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG QUẢN LÝ**

(Kèm theo Thông tư số **80** /2013/TT-BQP ngày **28** tháng **6** năm 2013
của Bộ Quốc phòng)

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Định lượng
1	Gạo tẻ thường	Gam/người/ngày	560
2	Thịt lợn xô lọc	“	23
3	Cá tươi	“	26
4	Đường RE	“	17
5	Nước mắm	ml/người/ngày	25
6	Muối	Gam/người/ngày	33
7	Rau xanh	“	500
8	Mì chính	“	3
9	Chất đốt (tham cám A)	“	560

Phụ lục 2

**ĐỊNH LƯỢNG ĂN CỦA PHẠM NHÂN LAO ĐỘNG NẶNG NHỌC,
ĐỘC HẠI THEO DANH MỤC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

(Kèm theo Thông tư số 80/2013/TT-BQP ngày 28 tháng 6 năm 2013
của Bộ Quốc phòng)

TT	Mặt hàng	Đơn vị tính	Định lượng
1	Gạo tẻ thường	Gam/người/ngày	645
2	Thịt lợn xô lọc	“	26
3	Cá tươi	“	30
4	Đường RE	“	20
5	Nước mắm	ml/người/ngày	30
6	Muối	Gam/người/ngày	38
7	Rau xanh	“	570
8	Mì chính	“	3,5
9	Chất đốt (tham cám A)	“	645